

Bản án số: 38/2026/HS-ST
Ngày 16 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Viết Nguyên

Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026,

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1971, tại: Xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038071033769; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn T** (đã chết) và bà **Mai Thị N**; Có vợ là **Trịnh Thị L** và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/12/2025, đến ngày 06/12/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt.

2. **Trịnh Văn H1**, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1984, tại: Xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038084047506; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trịnh Văn S** và bà **Mai Thị V**; Có vợ là **Hoàng Thị T1** và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/12/2025, đến ngày 06/12/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có

mặt.

3. **Nguyễn Văn T2**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986, tại: **Xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Số thẻ Căn cước công dân: 038086017619; Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Như T3** và bà **Lê Thị L1**; Có vợ là **Đỗ Thị L2** và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/12/2025, đến ngày 06/12/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

4. **Khương Văn D**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1996, tại: **Xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Số thẻ Căn cước công dân: 038096005380; Nơi cư trú: **Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Khương Văn D1** (đã chết) và bà **Khương Thị T4**; Có vợ là **Trần Thị Vân A** và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/5/2019 bị **Công an huyện Y** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “hủy hoại tài sản của người khác”, bằng hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng. Ngày 05/6/2019 đã nộp phạt xong. Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/12/2025, đến ngày 06/12/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông **Bùi Văn T5**, sinh năm 1969, địa chỉ: **Thôn D, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn T6**, sinh năm 1985, địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 00 phút ngày 01/12/2025 **Công an xã Đ** trong quá trình làm nhiệm vụ tại **thôn D** phát hiện có các đối tượng gồm: **Nguyễn Văn T2**; **Nguyễn Văn H**; **Trịnh Văn H1** và **Khương Văn D** đang có hành vi đánh bạc bằng bộ bài tú lơ khơ dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. **Công an xã Đ**, tỉnh Thanh Hóa tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật phục vụ việc đánh bạc gồm: 01 (một) chiếu nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm mươi hai) lá bài; số tiền trên chiếu là 10.550.000 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 20 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 09 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 13 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

Quá trình điều tra thể hiện: Vào sáng ngày 01/12/2025, **Nguyễn Văn H** gặp **Trịnh Văn H1**. Sau đó **H** cùng **H1** đi đến khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng thuộc **thôn D, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa** chơi, tại đây **H** và **H1** gặp **Nguyễn Văn T2** và **Khương Văn D**, thì **H** nói “anh em vào làm tí phỏm”, nhưng sau đó **H**, **H1**, **T2** và

D cùng thống nhất là đánh liêng. **H1** đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, **T2** đi vào khu vực bếp của gia đình ông **Bùi Văn T5**, sinh năm 1969 (khu bếp không có người sử dụng) thì thấy có một chiếc chiếu nhựa đang gấp để tại đây, **T2** lấy chiếu trải ra nền bếp. Khi **H1** mang bài đến thì bốn người ngồi xuống chiếu bắt đầu đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền. Cách đánh bài liêng cụ thể như sau: Sử dụng bộ (cổ) bài tú lơ khơ 52 cây (lá). Trước khi bắt đầu chơi, tất cả người chơi đều phải đặt cược một số tiền (các con bạc thống nhất là 50.000 đồng) gọi là tiền sắn hay còn gọi là cốp, cược cao nhất 200.000 đồng, tối đa đặt cược 500.000 đồng. Sau khi ván bài bắt đầu, mỗi người sẽ nhận được 03 lá bài từ người chia bài và cách tính thắng thua như sau: Điểm: là tổng số điểm của ba lá bài. Điểm của các lá bài số giữ nguyên còn 10, J, Q, K đều tính là 0 điểm, A tính là 1 điểm. Nếu cùng điểm thì so sánh lá bài có chất cao nhất, cùng chất thì so sánh lá. Sáp: Là bộ bài có ba lá giống nhau. Liêng: Là bộ bài có ba lá liên tiếp nhau và **L3** cao nhất là Q, K, A. Khi hai người cùng có **L3** thì ai Liêng cao hơn sẽ thắng. Trong trường hợp Liêng giống nhau thì phân thắng thua bằng lá bài có chất cao nhất theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là **R, C, T7, B**. Ảnh: Là bộ bài có cả ba lá bài đều là **T8** (đầu người J, Q, K). Nếu cả hai người đều có Ảnh thì buộc phải so sánh chất cao nhất trong bài. Trường hợp cùng chất thì trở về so sánh thứ tự quân bài J, Q, K.

Số tiền sử dụng đánh bạc: Huân có 3.400.000 đồng, **T2** có 1.850.000 đồng, **H1** có 3.000.000 đồng, **D** có 2.300.000 đồng. Khi đánh bạc các con bạc đều để tiền dưới chiếu bạc, nên không biết thắng thua thế nào. Huân, **H1**, **T2** và **D** đánh bạc từ khoảng 11 giờ 00 phút đến 13 giờ 00 phút ngày 01/12/2025 thì bị **Công an xã Đ** bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.550.000 đồng.

Ngày 15/12/2025, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** Quyết định trưng cầu giám định số: B1374/QĐ-VPCQCSĐT giám định số tiền: 10.550.000đ (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc là tiền thật hay giả.

Ngày 19/12/2025, **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận giám định số: 88/KL-KTHS kết luận: số tiền 10.550.000đ đều là tiền thật do **Ngân hàng N1** phát hành.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chiếu nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm mươi hai) lá bài; số tiền 10.550.000 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện đang quản lý và nhập kho vật chứng theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSKV8 ngày 05/02/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khuong Văn D** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khuong Văn D** thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm hình sự:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trịnh Văn H1** từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Khương Văn D** từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo **Khương Văn D** 10.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy đối với: 01 (một) chiếc nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm mươi hai) lá bài.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc 10.550.000đ (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí: Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 01/12/2025, tại khu bếp (không có người ở) của gia đình ông **Bùi Văn T5** ở thôn D, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T2**, **Trịnh Văn H1** và **Khương Văn D** đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng tính điểm ăn tiền, thì bị **Công an xã Đ** phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 10.550.000 đồng.

Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khương Văn D** đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn và trật tự công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì háms lợi vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Vụ án đánh bạc này có nhiều bị cáo tham gia, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò trách nhiệm cụ thể cho từng người, nên vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, Trong đó: **Nguyễn Văn H** là người rủ việc đánh bạc, số tiền đánh bạc 3.400.000 đồng, nên chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. **Trịnh Văn H1** là người đi mua bài, số tiền đánh bạc 3.000.000 đồng; **Nguyễn Văn T2** là người trải chiếu, số tiền đánh bạc 1.850.000 đồng, nên chịu trách nhiệm ở vai trò thứ hai. **Khương Văn D** sử dụng số tiền đánh bạc 2.300.000 đồng, nên chịu trách nhiệm ở vai trò sau cùng trong vụ án.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2** có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo **Khương Văn D** đã 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, nhưng đã

chấp hành xong từ ngày 05/6/2019 và được coi như chưa bị xử lý hành chính.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2, Khương Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2, Khương Văn D đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Riêng đối với bị cáo Khương Văn D, bị cáo đã có thời gian tham gia Q là 02 năm 02 tháng, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2, Khương Văn D phạm tội lần đầu; Bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian được tại ngoại tại địa phương đã chấp hành pháp luật tốt và có mặt khi được các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập. Xét các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát, giáo dục theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp. Như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2 đều đang gặp khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Riêng đối với bị cáo Khương Văn D có nhân thân đã 01 lần bị xử lý hành chính, nên cần thiết phải phạt bổ sung bằng hình phạt tiền như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo D đang gặp khó khăn, nên chỉ áp dụng ở mức khởi điểm.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với tang vật thu giữ, gồm: 01 (một) chiếc nhựa; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm mươi hai) lá bài. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng đánh bạc, không còn giá trị, không sử dụng được, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.550.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc. Đây là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2, Khương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2, Khương Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Khương Văn D 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Khương Văn D 10.000.000đ (mười triệu đồng), sung vào ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Văn H1, Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Khương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) chiếc nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm mươi hai) lá bài.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với: Số tiền VNĐ: 10.550.000đ (mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thanh Hóa hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 45 ngày 10/02/2026.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trịnh Văn H1**, **Nguyễn Văn T2**, **Khuong Văn D**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự,

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến